

Nguyễn Thị Pháp

Bánh tổ

Những ngày giáp tết hồi còn nhỏ đi học cả bọn lớp tôi học “chẳng dzô”: tai cứ vênh lên chờ nghe trống đánh “tùng, tùng”, mắt cứ nhìn ra đường... để mong chóng được ra về!. Vì sao cả lũ trẻ lại háo hức đến vậy? Vì tết sắp đến là một lý do và lý do quan trọng nhất là về nhà sớm để giúp đỡ gia đình đang bận rộn ngày tết. Lũ trẻ con thời ấy đều sớm có hành động lao động giúp đỡ gia đình. Nói hành động giúp đỡ gia đình vì những việc làm của trẻ con chúng tôi “ham vui là chính” nên không gọi là ý thức lao động.

Thôn quê những ngày giáp tết thì thật là bận rộn và vui lắm! Những “bận rộn” ấy người lớn phải cần đến sự hỗ trợ đắc lực của trẻ con! Chúng tôi thật thích thú khi thấy mình “có giá trị” là lúc này!. Chẳng là nhà chúng tôi làm bánh nổ ăn tết. “Bánh nổ” là thứ bánh gì mà nghe cái tên hoành tráng, “điếc tai” đến vậy? Phải chăng dân gian mô phỏng tên bánh từ việc rang lúa nếp nổ để lấy chất liệu làm bánh?

Công đoạn đầu tiên là rang nếp, khi rang nếp trong một cái nồi đất nóng thì những hạt nếp nổ lên lép bép nghe rất vui tai. Những hạt lúa nếp nóng ran, nổ ra trắng xóa được đổ vào cái nong, hoặc cái thúng to để cho nguội. Đây là lúc lũ trẻ con “có việc làm”. Chúng tôi nhặt những vỏ lúa còn sót lại trong cái nong nếp bung trắng xóa thơm lừng đó. Vừa nhặt vỏ lúa, vừa “luôn tiện” bỏ vào mồm từng nạm (vốc tay) nếp bung thơm thơm, béo béo ngon lành. Cứ như thế khi nong nếp sạch hết thóc thì bụng đứa nào đứa nấy cũng no kèn ra rồi! Nhiệm vụ nhặt thóc trong nong nếp bung đã hoàn thành nhưng chúng tôi cứ ngồi thu lu đó chờ xem công đoạn thứ hai.

Lúc đó, mẹ đã sên xong một nồi nước đường to, rồi bỏ vào đó một cối gừng đã giã nhuyễn. Đường nóng sôi gặp gừng quện lại bốc lên một mùi thơm khiến lũ trẻ phồng mũi lên hít đầy vào rồi nước miếng chảy ra lúc nào không hay biết! Nghĩ lại đến giờ mà vẫn còn nghe thoang thoảng cái hương vị đậm đà này.

Lũ trẻ nhìn không chớp từng hành động của mẹ lúc này. Mẹ đổ cả nồi nước đường đặc quện ấy vào cái nồi nếp bung đã được giã nhuyễn rồi lấy hai cây đũa bép (đũa cả) trộn đều, nếp, đường cứ thế ôm lấy nhau tạo thành cục lớn. Mẹ lấy đũa bép bắt ra từng cục bỏ vào trong cái khuôn bánh bằng gỗ có thoa một lớp bột nếp mịn (mục đích để bánh không dính khuôn). Sau đó mẹ dùng chày động bánh cho thật chặt vào khuôn rồi úp khuôn lại trên cái nong bánh đã trải một lớp lá chuối. Cứ thế những khuôn bánh nỏ hình chữ nhật vuông vức được ra đời nằm la liệt trên nong bánh giống như những “nàng tiên áo trắng” vậy! Lũ trẻ ví như vậy đó vì chúng nó đang rất “ghiền”! Lũ trẻ chờ mãi xem mẹ in đến cái bánh nỏ cuối cùng, chúng mong sao cái bánh này không đủ vào khuôn in để chúng được vo lại thành cục như cái trứng gà, bỏ vào túi áo, chạy bay ra xóm vừa nhảy cò cò vừa chia nhau mỗi đứa cắn một miếng bánh nỏ, nhai nhai hồi lâu rồi mới nuốt để như muốn níu kéo cái hương vị tuyệt vời này.

Bánh nỏ được làm rất công phu như vậy để trước tiên là cúng ông bà tổ tiên trong ba ngày tết, sau là để đãi bà con ngày tết đến thăm nhà nên chỉ khi cúng giao thừa xong mới được “chén”.! Nhìn chông bánh nỏ treo la liệt ở đầu bếp, trong chum lúa nhưng chưa tết thì chưa được “phá cỗ” mà lũ trẻ càng mong cho tết đến thật nhanh. Cái cảm giác chờ đợi ấy lũ trẻ ngày nay làm sao có được nhỉ!

Những chiếc bánh nỏ truyền thống của quê hương trong ngày tết tuy đơn sơ mộc mạc nhưng có nhiều ý nghĩa với người dân quê tôi. Nó là cả sự “thai nghén” từ mùa lúa nếp trở đòng đòng ở ngoài đồng từ tháng chín, tháng mười. Các bà, các mẹ đã gặt lúa nếp về và phơi nắng cho giòn rồi cắt ủ vào chum để chờ đến tháng chạp. Rồi cả những bát đường đen cũng được gói rơm chung quanh cắt kỹ vào đôi bầu (cái thúng đan bằng nan tre có nắp đậy) treo trên

giàn bếp. Đến củ gừng cũng được cất giữ để chờ ngày tết làm bánh nỏ! Sự chuẩn bị kỹ càng chu đáo cả một mùa của người lớn, sự chờ đợi dài cả cổ của lũ trẻ con nên đến lúc được ngoạm miếng bánh nỏ vào mồm thì lũ trẻ thấy ngon ơ là ngon và cảm xúc thì không diễn tả nổi.

Bánh nỏ cũng đã vượt thời gian, phần đầu để đến bây giờ vẫn còn được hiện hữu trong ngày tết (tuy cũng có cách điệu). Người ta không còn cái sự chuẩn bị để làm bánh nỏ như ngày xưa vì nhiều lý do. Bánh nỏ được các chủ lò ở các nơi làm đem về thị thành bán. Người lớn cũng có mua bánh nỏ về cúng ông bà trong ba ngày tết nhưng lũ trẻ thì hờ hững với sự “phá cổ” loại bánh này (có lẽ vì ngày nay có quá nhiều các loại bánh)!

Bỗng dưng tôi nghĩ đến ngày mai, ngày mai nữa khi các bà, các mẹ không còn nữa, ai sẽ làm bánh nỏ, có còn ai yêu quý bánh nỏ nữa không? Những dòng chữ này sẽ như là món quà để tri ân một loại bánh mà dân gian đã ấp ủ, sáng chế, đón nhận, lưu giữ bấy lâu bằng cả tấm lòng.



Nguyễn Hữu Cảnh

Chợ quê

Trong cộng đồng dân tộc Việt, có nhiều nét đẹp văn hóa truyền thống đáng trân trọng. Chợ là một trong những nét đẹp văn hóa truyền thống đó. Chợ hay chợ búa, là nơi mà mọi người đến để buôn bán, trao đổi hàng hóa. Tên chợ thường gắn liền với địa danh riêng của một địa phương như chợ Cồn, chợ Hàn, chợ Lê Trạch, chợ Miếu Bông, chợ Túy Loan... Ngoài ra, chợ còn gắn liền với một mặt hàng buôn bán nào đó như chợ cá, chợ gôm, chợ vải, chợ trâu hoặc lãng mạn như chợ tình. Có những chợ lớn nổi tiếng trong cả nước, bên cạnh đó, trên khắp mọi làng quê Việt Nam luôn tồn tại một loại chợ quen thuộc gần gũi đó là chợ quê.

Quê tôi nằm ở vùng hạ lưu sông Hưng Yên, thấp trũng nên vào mùa mưa thường úng ngập, lũ lụt. Làng nhỏ bao bọc bởi bốn bề sông nước nên việc giao lưu hàng hóa ngày xưa gặp không ít khó khăn. Giao thông chủ yếu là phương tiện đường thủy. Vì vậy chợ có ý nghĩa quan trọng trong đời sống kinh tế gần như tự cung tự cấp của bà con quê tôi. Chợ quê tôi không chỉ là nơi sinh hoạt kinh tế, buôn bán trao đổi sản phẩm, mà còn là nơi giao lưu văn hóa, đôi khi cả tâm linh nữa. Người dân quê tôi hiền lành chất phác, khung cảnh làng quê thanh bình êm ả. Ban ngày, mọi người hầu hết tập trung ra đồng tát bắt chuyen đồng áng, chỉ khi chiều đến, không khí trở nên náo nhiệt sôi nổi hẳn lên. Chợ mọc lên ở trung tâm khu vực gần đường cái quan thuận tiện cho việc giao thông đường bộ cũng như đường thủy.

Chợ An Thới nấp dưới bóng mát của lũy tre xanh, tọa lạc trên đất làng Yên Nê, xã Hòa Tiến. Chợ thừa thớt những túp lều tranh, các sạp hàng bằng tre nửa tạm bợ. Đó là nơi buôn bán của các chủ hàng khô, hàng tạp hóa, còn những mặt hàng khác bày luôn ra mặt cỏ vệ đường. Tuy không qui định nhưng người bán hàng

cũng tự giác ngồi thành từng dãy , từng hàng chỉnh tề trật tự . Vào lối đi chính giữa chợ là các sạp bày bán các mặt hàng bách hóa thu nhỏ, nào kim chỉ, gương lược, hương đèn...hầu như thứ gì cũng có, kể cả quần áo may sẵn cũng bày bán la liệt cho dễ chọn.

Phía sau khu hàng bách hóa là dãy hàng bày bán hoa quả, rau xanh, lương thực... Những sản phẩm này chủ yếu thu hoạch từ vườn nhà của bà con các vùng quê tôi. Họ trồng ra không phải để bán nhưng vì dùng không hết nên đem ra chợ trao đổi các nhu yếu phẩm khác cần thiết thế thôi . Người mua không hề bận tâm mặc cả, đắn đo lo sợ về vệ sinh an toàn thực phẩm. Người bán cũng chẳng biết nói thách là gì. Người mua, kẻ bán thật thà định lượng giá trị qui đổi sản phẩm đúng với công sức lao động mà mình làm ra, chẳng hề đòi co chèo kéo mà thân thiện chân tình ...Còn nhớ năm hôm mười ngày, mẹ tôi nhặt nhạnh, thu hoạch các sản phẩm từ vườn nhà như cắt các tàu lá chuối non bó lại gọn gàng, buồng chuối chát xanh, mớ rau, quả bầu , quả bí mẹ bỏ vào giỏ cẩn thận. Bắt con gà, con vịt xem chừng đã hết lớn mẹ đem ra chợ bán để trao đổi những thứ mà gia đình còn thiếu.

Chợ quê phục vụ cho một bộ phận dân cư hẹp trong làng xã, tuy nhiên không gian chợ đã bắt đầu hình thành các phường hội, sản phẩm của làng nghề truyền thống các địa phương. Gian hàng chiếu Cẩm Nê, nổi tiếng trong và ngoài tỉnh, sợi lát mịn, sáng, mình chiếu dày, dùng bền, hoa văn phong phú tinh xảo được các nghệ nhân trong làng làm ra sánh cùng với chiếu Bàn Thạch, Duy Vinh, Quảng Nam làm nên thương hiệu chiếu thời bấy giờ. Gian hàng sản phẩm làm từ tre nứa do các nghệ nhân làng YẾN NÊ được bày bán trên lối đi vào chợ. Những nong nia, thúng mủng, rổ rá, đồ dùng sinh hoạt lao động hằng ngày được các nghệ nhân tài hoa sáng tạo nhiều kiểu đan khác nhau rất bền đẹp. Bằng chất liệu tre nứa trong làng nhưng các nghệ nhân đã thổi hồn vào nó , tạo thành những sản phẩm gia dụng giàu tính thẩm mỹ. Những chiếc nón lá làng La Bông bày bán xếp chồng như ngọn tháp, cô thôn nữ duyên dáng mời chào, nụ cười tươi như hoa giữa chợ...

Đất nước đang thời kỳ chiến tranh, nhưng gian hàng cá cũng đủ nhu cầu cho người tiêu dùng quê tôi. Cá đồng đánh bắt từ sông

ngòi địa phương, còn sống, bơi lội trong thau chậu. Cá biển được vận chuyển bằng đường thủy theo sông Cẩm Lệ lên. Để lo cho mùa đông tháng giá, mẹ tôi thường đổi lúa lấy cả thúng cá giò, cá cơm tươi ngon về làm mắm. Những vò mắm to được mẹ tôi buộc kỹ đậy nắp cẩn thận để trong nhà nâng niu như cửa quý, đúng ngày , đúng tháng mới được mở ra. Những ngày mưa lũ, gần sông cách đò không đi chợ được, chỉ với mớ rau khoai, rau muống, chén mắm cá giò, mẹ tôi nấu nồi canh ngon, bữa ăn đạm bạc mà có chất tươi bổ dưỡng cho cả gia đình.

Lũ trẻ chúng tôi rất thích theo mẹ đi chợ. Ngày ấy bánh kẹo không được phong phú như bây giờ. Thật sung sướng làm sao khi được mẹ mua cho dăm cây kẹo ú, mớ bánh tai heo hay vài cây kẹo nu ga, đôi khi là xôi quả bồ quân ngọt chát, những con tò he thích mắt... Viên kẹo ú có lớp bột mì trắng mịn bao bọc bên ngoài, tôi không dám nhai sợ mau hết, chỉ biết ngậm trong miệng bao giờ tan mới thôi !.. Ôi, niềm hạnh phúc tuổi thơ mỗi lần theo mẹ đi chợ biết bao giờ lặp lại !..

Một tháng đôi lần khách phương xa đến chợ biểu diễn khí công , võ thuật quảng cáo thuốc gia truyền, “kê đơn hoàn tán, thuốc dán, nhị thiên đường”. Bọn trẻ chúng tôi vòng trong, vòng ngoài xem tràn cả lối đi vào chợ. Chẳng biết từ khi nào chợ là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng quê tôi. Nhà nào trong vùng có con thi đỗ đại học, dựng vợ gả chồng, tân gia , hiếu hỷ, từ chợ lan truyền khắp nơi trong vùng, niềm vui nhân đôi, nỗi buồn chia sẻ... Đôi khi một nghĩa cử đẹp, hành vi xấu cũng được bình phẩm khen chê, góp ý điều chỉnh. Chợ còn là nơi trai thanh gái lịch trong vùng quê tôi gặp nhau giao lưu trò chuyện vì thế mà bao cặp được nên vợ, nên chồng.

Chợ chiều hẹn chuyển đò ngang
Trai làng cùng với gái làng sang sông
Ngập ngừng câu chuyện lông bông
Hôm sau thành vợ, thành chồng với nhau.

Cuộc sống thanh bình của phiên chợ quê đôi khi bị xáo trộn, đó là lúc giặc càn lên đốt phá. Phiên chợ quê tan tác, các sạp hàng

chông chợ đen sạm nhuộm màu khói súng, nhưng rồi chợ lại mọc lên cứng cáp vững chải hơn xưa...



Chợ xưa (Internet)

Ngày nay, theo xu hướng đổi mới của cơ chế thị trường, nhiều chợ ở nông thôn đã được trào lưu đô thị hóa làm thay đổi bộ mặt đáng kể. Cùng với đó là những thay đổi về cung cách bán buôn, hệ thống siêu thị bán lẻ mọc lên để đáp ứng sự văn minh chuyên nghiệp của việc buôn bán trao đổi hàng hóa. Nhiều ngôi chợ hiện đại đã được xuất hiện. Tuy nhiên, không những vì thế mà vẻ đẹp của các chợ quê truyền thống bị lỗi thời hoặc mất đi, mặc dù vẫn chịu khá nhiều thách thức của lối sống hiện đại và cung cách làm ăn mới. Theo chúng tôi được biết, trên khắp cả nước không ít chợ quê đã được chính quyền địa phương chuyển dời vị trí, đầu tư cơ sở hạ tầng hiện đại, với kinh phí hàng vài chục tỉ đồng nhưng vẫn không có người đến mua bán, đành để hoang phế, lãng phí. Thế mới biết vai trò của yếu tố văn hóa truyền thống, phong tục tập

quán của người dân là vô cùng quan trọng. Cũng có những chợ quê thiếu may mắn, do nằm trên vị trí đặc địa trong khu vực dân cư mà các cấp chính quyền phải xóa sổ để khai thác giá trị đất đai phù hợp với yêu cầu đổi mới. Như vậy, vấn đề đặt ra là sự lựa chọn giữa việc giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống với việc tăng nguồn thu ngân sách là điều khiến chúng ta quan tâm suy nghĩ ?!..

Mặc dù có thay đổi thế nào đi chăng nữa, những phiên chợ quê một thời trong chiến tranh, hay những năm đầu thời kỳ hòa bình đổi mới, vẫn có sức ám ảnh sâu đậm trong tâm hồn người dân quê tôi. Những ai đi xa, nhớ về chợ quê trong lòng không khỏi bồi hồi cảm xúc, thức dậy bao tình cảm ngọt bùi ân nghĩa, tình cảm gia đình, quê hương hòa quyện trong những phiên chợ quê tha thiết giản dị mà sâu lắng mặn nồng !...

Nguyễn Thị Pháp

Ngói âm dương



Nhà lợp ngói âm dương (Internet)

Sáng nào cũng vậy, khi tôi trở mình thức giấc, mở đôi mắt trong veo nhìn qua cửa sổ thì đã thấy cha và ông thức dậy từ bao giờ. Tôi nói từ bao giờ là vì đã thấy những giọt mồ hôi dài đang thi nhau chảy ướt cả tấm lưng trần đen nhấy của người rồi. Cha và ông tôi làm công việc gì mà mỗi sáng sớm đã đầm mồ hôi vậy ?

Họ đang làm đất sét để mẹ, bà đúc ngói âm dương đó! Chắc bạn đọc hơi lạ lẫm về công việc này. Đó là nghề truyền thống của người dân quê tôi tự bao đời. Đó là vùng quê mà ngày nay được mệnh danh là “Phố cổ Hội An”. Một thành phố mà các mái nhà giữa phố đã rêu phong cổ kính, có những cây rêu xanh mọc ngoằn

ngoài. Du khách thấy mái lợp của nhà như thế thì ngạc nhiên thích thú, muốn khám phá. Các mái lợp của khu phố cổ này là “ngói âm dương”.

Vì sao gọi là “ngói âm dương”, cách làm ngói âm dương như thế nào và tác dụng của những ngôi nhà lợp ngói âm dương ... là tất cả những điều trong ký ức tuổi thơ tôi hiểu và muốn gửi gắm đến bạn đọc.

Trước hết, là công đoạn làm ra đất sét để in ngói âm dương. Đất sét là đất thiên nhiên được lấy từ trong lòng đất sâu, đất dẻo, màu vàng rất đẹp. Người ta dùng mai (một dụng cụ có lưỡi dài bằng sắt, bén) để xén từng cục đất vuông vức, to từ dưới lòng đất lên và mang về chắt thành từng đồng. Sau đó lại dùng mai xén từng cục đất to ấy ra thành từng lát mỏng nhỏ như bánh tráng nướng được bề vụn, đoạn tưới nước đều vào đồng đất sét vụn ấy rồi dùng hai chân ra sức đạp mạnh cho đất dẻo mịn ra. Cứ thế lớp đất này mịn thì lại bỏ lớp đất khác lên, tưới nước rồi dùng hai chân đạp đều mãi cho đến khi đất cao dần lên như ngọn nấm khổng lồ. Người ta làm đất rất khéo, không có khuôn mẫu nào mà ụ đất cứ tròn vo rất đẹp. Để cho ụ đất càng mịn hơn thì người làm đất thực hiện công đoạn cuối cùng là lấy dây cung cắt từng lát đất mỏng quanh ụ đất rồi lại vứt mạnh vào ụ đất, cứ thế, cứ thế ụ đất càng căng tròn, mịn màng cứ như đôi má phính trẻ con.

Lúc nhỏ thấy những ụ đất sét như thế này, lũ trẻ nhỏ chúng tôi chơi trò xòe bàn tay bé xíu của mình ra ấn mạnh vào ụ đất sét ấy để in lại rõ nét từng dấu vân tay bé xíu mà thích thú vô cùng. Trẻ con vô tư quá, đâu có biết rằng để có được những ụ đất như những cây nấm khổng lồ này, ông cha mình đã đạp, giẫm hì hục thót bụng, thót gan cả ngày. (Nói điều này tôi hình dung tới cái bụng nhiều múi của ông, cha lao động ngày ấy, tôi đâu biết đó là cái đẹp mà ngày nay các bạn tập Gym, tập thể hình hằng mong ước).

Sau công đoạn làm đất sét là công đoạn in đất thành ngói âm dương. Công việc này là của bà, của mẹ (nói chung là của phụ nữ). Bà, Mẹ lấy cái khuôn gỗ hình vuông mỗi cạnh độ 20cm, đáy khuôn bịt kín, chiều cao khuôn độ gần 10 li. Họ cật một cục đất sét nặng độ 2 đến 3 kg, nhồi lại thành hình tròn rồi vứt thật mạnh vào

cái khuôn đã có rải một lớp cát mịn, thả lại cái khuôn có đất sét ấy cho đất đều đầy khuôn, rồi dùng cung sắt mạnh vào mặt khuôn để bỏ lớp đất sét thừa. Sau đó đem cái khuôn có lớp đất sét vừa được in đó đổ ra sân phơi nắng. (Như vậy có nghĩa là trời mưa thì không in ngói được).

Tôi kể lể dài dòng chi tiết về công đoạn in ngói âm dương vì tôi hiểu đây là một việc làm thủ công tốn nhiều công và đầy nghệ thuật. Ngó thì dễ nhưng không phải ai cũng làm được đâu. Phải quen tay, cẩn thận, bền bỉ. Người in ngói âm dương vừa dang nắng cả ngày, vừa phải cúi khom mình cả ngày, vất vả lắm! Thế mà có nhiều người in từ sáng sớm đến tối được cả năm sáu trăm viên, bằng những động tác lặp đi lặp lại như một cái máy thật là đáng phục.

Để có được 1 tấm ngói âm dương, phải còn các công đoạn tiếp theo nữa. Đó là phơi ngói, khi ngói được phơi “héo héo” (ngôn ngữ của người làm ngói) có nghĩa là hơi khô khô thì người ta xếp ngói lại từng tập độ mười tám như học sinh xếp vở rồi cho chúng hơi so le ở hai đầu cự li độ 10 – 15 li, rồi để lên một khuôn gỗ dài độ 4,5 tấc, mặt lưng khuôn có độ cong cỡ 30 độ, dùng bàn là bằng gỗ gõ nhẹ lên khuôn cho đều rồi xếp thành từng hàng, từng hàng để cho đến khi chúng khô hẳn (khoảng 4, 5 ngày). Khi hàng chục ngàn viên ngói đất này đã khô cứng thì chúng được mang xếp ngay hàng thẳng lối vào một cái lò đất kín to bằng cái nhà 30 – 40 mét vuông bịt kín. Sau đó dùng gốc củi dương liễu khô đốt liên tục trong khoảng 30 – 40 tiếng đồng hồ sao cho những viên ngói có đất sét màu vàng ấy chuyển sang hồng. Nung ngói chín hồng cũng là một nghệ thuật “nấu nướng”. Không được nung quá lửa, ngói sẽ méo mó, bị chuyển sang màu xanh đen thì hỏng. Vậy phải nung sao cho độ nóng cao, thấp tùy từng thời điểm, thời gian bao lâu thì hạ lửa, rồi tắt lửa, đóng lò!. Nói chung là cả một vấn đề không phải chỉ có “quen tay” và phải có nghệ thuật cao nữa.!

Sau khi đóng lò (tắt hết lửa) phải để cho lò nguội đến 3 – 4 ngày mới mở lò. Mở lò ngói nung cũng hấp dẫn không kém như người ta chơi xổ số vậy! Một màu hồng tươi roi rói tỏa khắp gian lò, đó chính là sự thành công của lò ngói, những tấm ngói gỗ kêu

“boong, boong” là tốt. Lúc đó, những tiếng cười giòn tan của ông bà, của người lớn, trẻ con vang khắp xóm (chính là mừng sự được mùa). Còn ngược lại “ngói hồng” màu xanh đen thì coi như cả sự nghiệp gian lao vất vả hàng tháng trời của tập thể lao động tan tành mây khói, phải dọn lò đem ra sông đổ.

Vất vả nọ chòng chát vất vả kia, gian lao này kéo theo gian lao khác mới có được tấm ngói đỏ âm dương.

Nhưng khi tấm ngói được lợp lên mái nhà thì cả là một niềm tự hào khôn xiết. Ngày xưa nhà có điều kiện lắm mới lợp được ngói âm dương. Ngói âm dương người ta thường lợp ở đình, chùa, miếu làng. Lợp ngói âm dương cũng hết sức công phu, rường nhà phải bằng những nẹp gỗ tốt, phải chừa nẹp đúng theo tỉ lệ yêu cầu của ngói. Khi lợp người ta xếp thành từng hàng ngói dày, đều. Cứ một hàng ngói lật ngửa, thì hàng tiếp theo song song phải úp, cứ lợp đều như vậy cho đến hết mái nhà. Cách lợp viên úp, viên ngửa như vậy nên người ta gọi là ngói âm dương!. Tên gọi của ngói có lẽ được mô phỏng từ cách lợp ngói này.

Công đoạn làm và lợp ngói âm dương quả thật là công phu, còn khi sử dụng ngôi nhà được lợp ngói âm dương này thì như thế nào?

Trước hết phải nói đến độ bền, như các bạn thấy đấy, những ngôi nhà cổ lợp ngói âm dương đã thách thức cùng năm tháng. Chúng có phủ rêu phong theo thời gian mưa nắng nhưng những tấm ngói hãy còn nguyên vẹn! Ngôi nhà lợp ngói âm dương cũng sang và đẹp hơn nhiều, tác dụng của nó lại rất hữu ích cho sức khỏe, hợp thời tiết: mùa đông ấm, mùa hạ mát.

Thật khen cho người sáng tạo ra ngói âm dương. Họ đã lùi vào quá khứ nhưng những mái ngói rêu phong hãy còn theo cùng năm tháng và mãi là niềm ngưỡng mộ của những ai một lần ghé thăm phố cổ, ghi lại vài pô hình của mái nhà rêu phong có những hàng cây rêu mọc trên đấy. Ngói âm dương !

Lương Thị Hồng Đào

Hoa mai mùa xuân



Hoa mai mùa xuân (Võ Văn Hòe)

Hoa mai được xem là biểu tượng của sức sống vô tận. Xuân đến hoa nở, Xuân tàn hoa rụng, nhưng hoa vẫn nở, nghĩa là mùa Xuân hãy còn! Xuân muộn, có hoa là có mùa Xuân, mùa Xuân trong lòng, trong tâm hồn thi nhân. Phải chăng vì những lý lẽ đó, người ta “mê” hoa mai như vậy?

Ở nước ta, nhất là miền Nam, mỗi độ Xuân về, mọi nhà, mọi người đều yêu thích và kiếm bằng được hoa mai để chưng Tết đón Xuân. Với người Nam, ngày tết không có hoa mai xem như Xuân chưa vào đến cửa, và như còn thiếu “một cái gì đó”!

Trong thơ văn xưa nay đã có rất nhiều bài thơ ca ngợi nét đẹp độc đáo của loài hoa này. Mai được gọi là “đệ nhất đại hoa”, xếp vào bộ tứ quý “Tùng- Cúc- Trúc- Mai”. Mai được xem là biểu tượng của khí phách kiên cường, ngạo nghễ của bậc hiền nhân, quân tử, đồng thời cũng đảm thơm, kín đáo, dịu dàng hương thơm:

“Tường giốc sổ chi mai
Lòng bàn độc tự khai
Dao tư bất thị tuyết
Vị hữu cán hương lai”

Tạm dịch:

“Góc tường mấy cành mai
Tự nở hoa trong rét
Xa nhìn không phải tuyết
Vì có hương thơm bay”

(Vương An Thạch- Trung Quốc)

Mai là biểu tượng của lòng tự tin, thái độ ung dung, đôn hậu của bậc chính nhân quân tử trước thử thách cuộc sống:

“Hoa nở trong sương mai
Tỏa hương trong nắng trưa
Dịu dàng đêm gió lạnh
Rực rỡ lúc ban mai”

(Bảo Đông)

Mai trở thành người bạn tri âm của các thi nhân:

“...Nghêu ngao vui thú sơn hà
Mai là bạn cũ, hạc là người quen”

(Nguyễn Du)

Trong thời kháng chiến, mai trở thành biểu tượng của niềm
kỷ ức quê hương trong mỗi tấm lòng người chiến sĩ xa nhà:

“Mẹ tiễn tôi đi lòng bồi bồi không nói
Lá cau buồn phơ phất dưới trời xanh
Mấy đóa mai vàng lặng lẽ trên cành
Con chim nhỏ đứng nhìn trời xanh thẳm”
(“Ngày ra đi” của Hợp Phố)

Những người lính “ra đi không tiếc mái đầu xanh” ấy sống
giữa núi rừng đạn bom. Một sớm mai kia thức dậy, thấy hoa mai
vàng rực nở, họ mới biết Xuân đã về. Lòng anh ấm lại tình quê.

Hoa mai ở chốn cao sang vẫn tỏ ra giản dị, không kiêu sa.
Còn sống nơi dân dã thôn quê, hoa lại gần gũi thân thương mà vẫn
phảng phất nét thanh cao. Vẳng đâu đây câu hát ngọt ngào: “Em
đến bên đò, mai vàng một đóa, một chút Xuân sang, trên đồng gió
lộng...”.

